

**SỐ LƯỢNG, SỰ PHÂN BỐ VÀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH CỦA VỊT CỔ LŨNG**Đỗ Ngọc Hà<sup>1</sup>, Đặng Thị Hòe<sup>2</sup>, Nguyễn Bá Mùi<sup>3\*</sup>, Nguyễn Văn Duy<sup>4</sup><sup>1</sup>Trường Đại học Hồng Đức<sup>2</sup>Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và PTNT I - Bộ Nông nghiệp và PTNT<sup>3</sup>Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam<sup>4</sup>Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên

\*Tác giả liên hệ: nbmui@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 28.02.2020

Ngày chấp nhận đăng: 21.04.2020

**TÓM TẮT**

Nghiên cứu được tiến hành trên vịt Cổ Lũng tại huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa và đàn vịt hạt nhân được chọn lọc, nhân thuần đến thế hệ thứ 3 tại Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên nhằm mục tiêu điều tra, đánh giá tổng thể tình hình chăn nuôi vịt Cổ Lũng tại huyện Bá Thước và đánh giá một số đặc điểm ngoại hình của vịt. Bộ câu hỏi bán cấu trúc được sử dụng để điều tra. Mô tả đặc trưng chủ yếu về ngoại hình của vịt Cổ Lũng bằng các phương pháp quan sát, chụp ảnh, mô tả, ghi chép. Kích thước một số chiều đo của vịt Cổ Lũng được đo tại các thời điểm 8 tuần và 38 tuần tuổi. Kết quả cho thấy số lượng và sự phân bố của vịt Cổ Lũng ở huyện Bá Thước tập trung chủ yếu ở 6 xã khu vực Quốc Thành gồm xã Ban Công, Cổ Lũng, Lũng Niêm, Lũng Cao, Thành Lâm và Thành Sơn. Vịt Cổ Lũng được nuôi theo cả hai phương thức chăn thả và bán chăn thả. Vịt Cổ Lũng một ngày tuổi có lông màu xám đen xen kẽ khoang màu vàng nhạt. Khi trưởng thành, vịt Cổ Lũng có lông màu cánh sê đậm, chân thấp, đầu to, cổ ngắn, mình bè. Chiều đo dài thân của vịt Cổ Lũng là 24,72cm ở con trống và 24,82cm ở con mái; vòng ngực của vịt trống là 30,06cm, vịt mái là 29,80cm với tỷ lệ vòng ngực/dài thân lần lượt là 1,22 và 1,20; chiều đo cao chân của con trống là 7,58cm và con mái là 7,35cm; độ dài lông cánh của vịt trống và vịt mái lần lượt là 16,36 và 16,23cm.

Từ khóa: Đặc điểm ngoại hình, vịt Cổ Lũng, huyện Bá Thước.

**Morphological Characteristics and Productive performance of Co Lung Ducks****ABSTRACT**

The study was conducted on Co Lung ducks in Ba Thuoc district, Thanh Hoa province and Co Lung ducks on the third generation at Dai Xuyen Duck Research Center to survey the numbers, distributions of Co Lung ducks in Ba Thuoc district and evaluate morphological characteristics of Co Lung ducks. The results showed that the number and distribution of Co Lung ducks in Ba Thuoc district are mainly congregated at 6 communes of Quoc Thanh area, including Ban Cong, Co Lung, Lung Niem, Lung Cao, Thanh Lam and Thanh Son commune. Co Lung ducks have been raised by both grazing and semi-grazing methods. Feed sources used were self-mixed feed and local agricultural production. It was observed that at one day of age, the plumage color is mostly dark gray and pale yellow. In mature, the plumage color is mostly dark brown. The main morphological characteristics of Co Lung duck is: short leg, big head, short neck and medium body. The length of the body of Co Lung duck is 24.72cm in male and 24.82cm in the female; the breast size of the male is 30.06cm, the female is 29.80cm with breast size/ body length ratio of 1.22 and 1.20; The feet height of a male is 7.58cm and female is 7.35cm; The length of wing feathers of male and female duck are 16.36 and 16.23cm respectively.

Keywords: Morphology, Co Lung ducks, Ba Thuoc district.

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ.**

Vịt Cổ Lũng là giống vịt quý hiếm có từ lâu đời, gắn liền với sinh kế và văn hoá của đồng

bào dân tộc Mường ở huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Trải qua thời gian phát triển lâu dài, giống vịt này thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ở địa phương, tạo nên

những nét văn hóa - xã hội độc đáo. Vịt Cổ Lũng có nhiều đặc điểm di truyền tốt như có thể chịu được điều kiện nuôi kham khổ, khả năng chống chịu dịch bệnh tốt, trứng và thịt có chất lượng thơm ngon, do đó được người tiêu dùng rất ưa chuộng (Đỗ Ngọc Hà & cs., 2018). Bá Thước là huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, ngành chăn nuôi tại Bá Thước đã có sự phát triển không ngừng. Ngoài việc chăn nuôi các giống địa phương, cũng đã có sự du nhập và lai tạo nhiều giống mới có năng suất cao, điều đó dẫn tới sự lai tạp làm thoái hóa các giống bản địa, đồng thời là nguyên nhân lan truyền và phát triển của nhiều dịch bệnh. Hơn nữa, do chưa được quan tâm đầu tư đúng mức và có hệ thống của địa phương nên giống vịt Cổ Lũng bị pha tạp và có nguy cơ không giữ được nguồn gen thuần chủng. Nếu không có phương án bảo tồn, phát triển và khai thác có hiệu quả nguồn gen giống vịt Cổ Lũng, giống vịt bản địa này sẽ không còn giữ được nguồn giống thuần chủng. Trong công tác bảo tồn và khai thác nguồn gen vật nuôi, việc điều tra tình hình chăn nuôi có ý nghĩa quan trọng, đây là nguồn thông tin ban đầu giúp các nhà nghiên cứu có được cái nhìn tổng thể cũng như định hướng cho các nhiệm vụ tiếp theo. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm điều tra, đánh giá tổng thể tình hình chăn nuôi vịt Cổ Lũng tại huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa và bước đầu xác định những đặc điểm chủ yếu về ngoại hình của giống vịt bản địa này.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Vịt Cổ Lũng trên địa bàn huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa và đàn vịt hạt nhân được chọn lọc, nhân thuần đến thế hệ thứ 3 tại Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Số lượng, sự phân bố vịt Cổ Lũng được nghiên cứu bằng phương pháp điều tra, khảo sát với bộ câu hỏi được thiết kế trước và các dữ liệu thứ cấp thu được từ Chi cục Thống kê huyện Bá Thước năm 2017. Đánh giá thực trạng chăn nuôi vịt Cổ Lũng tại huyện Bá Thước theo

phương pháp điều tra nhanh nông thôn (PRA - Participatory Rural Appraisal). Từ dữ liệu thứ cấp về chăn nuôi vịt Cổ Lũng của Chi cục Thống kê huyện Bá Thước, vịt Cổ Lũng chủ yếu được nuôi ở 6 xã khu vực Quốc Thành. Mỗi xã chọn ngẫu nhiên từ 20-25 hộ, mỗi thôn chọn ngẫu nhiên 3-5 hộ có chăn nuôi vịt Cổ Lũng. Tổng số 124 hộ có chăn nuôi vịt Cổ Lũng tại khu vực này được chọn để thu thập thông tin về thực trạng chăn nuôi vịt Cổ Lũng bằng phiếu điều tra.

Mô tả một số đặc trưng chủ yếu về ngoại hình của vịt Cổ Lũng từ 100 cá thể vịt Cổ Lũng ở thế hệ thứ 3 tại Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên bao gồm màu lông, da, mỏ, chân, cấu trúc cơ thể... bằng các phương pháp quan sát, chụp ảnh, mô tả, ghi chép các đặc điểm ngoại hình của vịt tại một số thời điểm sinh trưởng: 1 ngày tuổi và vịt trưởng thành.

Đo kích thước một số chiều đo của vịt Cổ Lũng tại các thời điểm 8 tuần và 38 tuần tuổi. Mỗi lần đo 30 cá thể vịt trống và 30 cá thể vịt mái theo hướng dẫn của tác giả Bùi Hữu Đoàn & cs. (2011). Các chiều đo bao gồm:

Chiều dài thân (cm): Đo bằng thước dây, từ đốt xương cổ cuối cùng đến đốt xương đuôi đầu tiên;

Vòng ngực (cm): Đo bằng thước dây vòng quanh ngực, sát gốc cánh phía dưới;

Chiều dài lườn (cm): Đo bằng thước dây, từ điểm đầu đến điểm cuối của xương lườn hái;

Cao chân (cm): Đo bằng thước thẳng, từ khớp khuỷu chân đến đệm bàn chân;

Dài lông cánh (cm): Đo bằng thước thẳng, đo lông cánh thứ tư của hàng lông thứ nhất.

### 2.3. Xử lý số liệu

Số liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả sử dụng phần mềm SAS phiên bản 9.3.1. So sánh sự sai khác giữa các số trung bình bằng phương pháp Duncan.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Số lượng và phân bố của đàn vịt Cổ Lũng tại huyện Bá Thước

Theo số liệu của Chi cục Thống kê huyện Bá Thước năm 2017, trong cơ cấu chăn nuôi gia

cầm, chăn nuôi gà vẫn chiếm tỷ lệ lớn, hơn 80%; chăn nuôi vịt chiếm từ 12-14%; chăn nuôi ngan, ngỗng và một số giống gia cầm khác chiếm tỷ lệ thấp. Các khu vực có ngành chăn nuôi gà phát triển mạnh là Điền Hạ, Điền Quang, Điền Trung, Ái Thượng, Điền Lư, Ban Công và Văn Nho. Chăn nuôi vịt phát triển mạnh ở các xã Ban Công, Lũng Niêm, Lũng Cao, Cổ Lũng, Thành Sơn, Thành Lâm (khu vực Quốc Thành) và một số xã như Điền Quang, Điền Trung, Ái Thượng, Kỳ Tân, Văn Nho và Thiết Ống. Tổng số lượng vịt Cổ Lũng trong năm 2017 tại huyện Bá Thước là 32,8 nghìn con. Mặc dù là giống vịt bản địa, nhưng số lượng và khu vực phân bố của vịt Cổ Lũng trên địa bàn huyện Bá Thước không giống nhau. Vịt Cổ Lũng được nuôi chủ yếu ở 6 xã gồm: Ban Công, Lũng Niêm, Lũng Cao, Cổ Lũng, Thành Sơn và Thành Lâm với số lượng từ 1.100-8.600 con, các khu vực khác phân bố với

số lượng rất ít (Bảng 1). Một số khu vực như thị trấn Cảnh Nang, xã Lương Ngoại, đàn vịt Cổ Lũng phân bố rất ít với số lượng dưới 100 con. Các khu vực có chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh như Điền Quang, Điền Trung, Văn Nho, Thiết Ống, Kỳ Tân nhưng chủ yếu là chăn nuôi gà và một số giống vịt khác như vịt Cỏ, vịt Super M, vịt Bầu...

Với mục tiêu bảo tồn, khai thác và phát triển giống vịt Cổ Lũng bản địa thuần chủng, hiện nay khu vực Quốc Thành đã được quy hoạch tổng thể để xây dựng và phát triển thương hiệu vịt Cổ Lũng. Do đó, hơn 90% số lượng vịt nuôi ở khu vực này là vịt Cổ Lũng, các giống vịt khác được hạn chế nuôi ở đây. Các hợp tác xã (HTX) chăn nuôi, sản xuất vịt Cổ Lũng được thành lập để khuyến khích nhân dân tăng đàn vịt Cổ Lũng.

**Bảng 1. Số lượng và phân bố của vịt Cổ Lũng tại huyện Bá Thước (1.000 con)**

Khu vực	Số lượng			
	Gà	Ngan, ngỗng	Vịt	Vịt Cổ Lũng
Thị trấn Cảnh Nang	2,9	0,1	0,0	0,08
Điền Thượng	20,5	0,9	1,7	0,2
Điền Hạ	29,2	0,9	4,3	0,3
Điền Quang	32,1	1,2	5,3	0,4
Điền Trung	32,2	3,4	7,7	0,9
Thành Sơn	9,1	0,0	1,4	1,1
Lương Ngoại	12,8	0,7	1,2	0,07
Ái Thượng	22,0	0,8	3,7	0,1
Lương Nội	13,3	0,4	0,8	0,1
Điền Lư	33,3	1,8	1,4	0,1
Lương Trung	21,6	0,7	1,1	0,1
Lũng Niêm	16,4	0,7	4,2	4,1
Lũng Cao	18,7	1,2	8,8	8,6
Hạ Trung	16,8	0,9	0,9	0,09
Cổ Lũng	18,4	0,6	7,5	7,3
Thành Lâm	18,0	0,0	2,2	2,1
Ban Công	25,7	1,3	5,9	5,7
Kỳ Tân	15,7	1,6	7,8	0,7
Văn Nho	31,4	0,1	3,1	0,2
Thiết Ống	22,1	1,8	3,2	0,6
Lâm Xa	18,5	1,1	1,9	0,2
Thiết Kế	9,9	0,6	0,6	0,07
Tân Lập	13,6	0,7	0,1	0,08

Hiện nay, do thương hiệu vịt Cổ Lũng ngày càng được mở rộng, với chất lượng thịt, trứng phù hợp với yêu cầu của người tiêu dùng và giá bán tương đối cao nên vịt Cổ Lũng cũng được nuôi nhiều ở một số khu vực khác trong tỉnh Thanh Hóa như huyện Thạch Thành, thành phố Thanh Hóa...

### 3.2. Thực trạng chăn nuôi vịt Cổ Lũng

Tiến hành điều tra 124 hộ gia đình có chăn nuôi vịt Cổ Lũng tại 6 xã vùng Quốc Thành (xã Ban Công, Thành Lâm, Thành Sơn, Lũng Niêm, Lũng Cao và Cổ Lũng) của huyện Bá Thước. Kết quả thu được thể hiện trong bảng 2. Căn cứ theo Thông tư số 27/2011/TT-BNN&PTNT quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại thì những hộ gia đình, cơ sở chăn nuôi đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên được xem là quy mô trang trại, dưới mức này thì thuộc quy mô chăn nuôi nông hộ.

Theo quy định trên của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tại khu vực điều tra không có cơ sở chăn nuôi vịt Cổ Lũng theo quy mô trang trại mà chỉ có các nông hộ nhỏ, nuôi vịt Cổ Lũng từ vài chục con đến vài trăm con/hộ gia đình.

Quy mô cơ sở chăn nuôi: 124/124 hộ gia đình chăn nuôi vịt Cổ Lũng theo quy mô hộ gia đình chiếm 100%. Không có các mô hình chăn nuôi trang trại, chưa có cơ sở sản xuất giống. Hiện nay, do được khuyến khích đầu tư phát triển giống vịt Cổ Lũng bằng nguồn vốn vay chính sách, sự hỗ trợ của Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên và một số đề tài, dự án, người chăn nuôi đã thành lập được các HTX chăn nuôi vịt Cổ Lũng, mạnh dạn đầu tư các lò ấp hiện đại, đáp ứng được nhu cầu con giống tại địa phương.

Quy mô đàn và cơ cấu giống: số lượng vịt đang nuôi trong 124 hộ là 3.427 con, trong đó, số lượng vịt Cổ Lũng đang nuôi là 3.359 con, chiếm 98% tổng số vịt. Mục đích nuôi vịt Cổ Lũng chủ yếu là nuôi thịt với số lượng 2.718 con, chiếm 80,92%; nuôi sinh sản 35 con, chiếm 1,04%; nuôi kiêm dụng vừa sinh sản vừa bán thịt 606 con, chiếm 18,04%. Như vậy, trong cơ cấu giống của đàn vịt đang nuôi tại 124 hộ điều tra thuộc 6 xã vùng Quốc Thành, huyện Bá Thước thì đa số là giống vịt Cổ Lũng (chiếm 98%). Các giống vịt khác chiếm tỉ lệ rất thấp. Đa số các hộ gia đình nuôi với quy mô nhỏ với mục tiêu nuôi lấy thịt là chính, một số nuôi kiêm dụng, số hộ nuôi chuyên sinh sản rất ít.

**Bảng 2. Hiện trạng chăn nuôi vịt Cổ Lũng tại Bá Thước**

Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Loại hình cơ sở chăn nuôi			
Trang trại	Hộ	0	0
Nông hộ	Hộ	124	100
Cơ sở sản xuất giống	Hộ	0	0
Cơ cấu đàn vịt			
Tổng số lượng vịt	Con	3427	100
Tổng số vịt Cổ Lũng	Con	3359	98,01
Vịt nuôi thịt	Con	2718	80,92
Vịt đẻ	Con	35	1,04
Vịt nuôi kiêm dụng	Con	606	18,04
Phương thức nuôi			
Nuôi nhốt	Hộ	19	15,3
Bán chăn thả	Hộ	71	57,3
Chăn thả	Hộ	34	27,4
Thức ăn			
Công nghiệp	Hộ	0	0
Tự phối trộn, tận dụng	Hộ	124	100

Phương thức nuôi và nguồn thức ăn sử dụng: cả 3 phương thức: nuôi nhốt, nuôi bán chăn thả và nuôi thả tự do đều được sử dụng. Trong đó, số hộ nuôi bán chăn thả là 71 hộ, chiếm 57,3%; số hộ nuôi thả tự do là 34 hộ, chiếm 27,4% và số hộ nuôi nhốt là 19 hộ, chiếm 15,3%. Như vậy đa số các hộ dân nuôi vịt Cổ Lũng theo phương thức bán chăn thả và bán chăn thả. Điều này được lý giải là do người dân tận dụng các con suối, kênh mương, đồng ruộng để chăn nuôi vịt Cổ Lũng. Do đó, nguồn thức ăn sử dụng trong chăn nuôi vịt là các loại thức ăn tự phối trộn và các loại thức ăn tận dụng từ sản xuất nông nghiệp của địa phương.

### 3.3. Một số đặc điểm ngoại hình của vịt Cổ Lũng

Hình dáng: vịt Cổ Lũng trưởng thành có thân hình vững chắc, mình ngắn, bè, hình chữ nhật. Đầu to, cổ ngắn, rụt, ngực sâu, giữa vịt trống và vịt mái không có sự khác biệt rõ về ngoại hình (Bảng 3). Phân biệt với một số giống vịt kiêm dụng khác cho thấy: vịt Kỳ Lừa trưởng thành có thân hình khối chữ nhật, đầu to, cổ vừa phải, mắt đen sáng (Trần Huê Viên & cs., 2002). Vịt Đốm trưởng thành cũng có thân hình chữ nhật dài, vững chắc, ngực sâu, hình dạng trung gian giữa vịt chuyên thịt và chuyên trứng. Đầu to vừa phải, cổ dài, có màu trắng hoặc đốm xám đen (Nguyễn Đức Trọng & cs., 2011; Doãn Văn Xuân & cs., 2011; Nguyễn Thị Thúy Nghia & cs., 2012; Đặng Vũ Hòa, 2015). Nghiên cứu đặc điểm ngoại hình của vịt Bầu Bền, Nguyễn Thị Thúy Nghia & cs. (2012), Vũ Đình Trọng & cs. (2015), cho biết: vịt Bầu Bền trưởng thành có thân hình vững chắc, ngực sâu, thân thấp và ngắn, đầu xám xanh. Như vậy, vịt Cổ Lũng có hình dáng tương tự với một số giống vịt kiêm dụng phổ biến của Việt Nam. Tuy nhiên, điểm nổi bật của vịt Cổ Lũng là đầu to, cổ ngắn, chân ngắn, thấp, mình bè.

Màu lông: khi một ngày tuổi, vịt Cổ Lũng phủ toàn thân một bộ lông tơ màu xám đen xen kẽ có khoang màu vàng nhạt. Lông ở bụng và ngực có màu vàng nhạt, có phớt đen ở đầu và đuôi. Có một vệt xám đen chạy ngang mắt. Khi

trưởng thành, vịt Cổ Lũng trống có lông màu cánh sẻ (chiếm 85%), lông đầu và đuôi cánh màu xanh (chiếm 6%). Phần cổ, ngực và lưng lông màu nâu đỏ xen lẫn trắng (chiếm 5%). Cổ có một vòng tròn màu trắng (chiếm 2%). Phần đuôi và đuôi cánh có lông màu xanh đen (chiếm 2%), có 2-3 lông móc cong ở đuôi. Con mái lông màu cánh sẻ đậm (chiếm 95%), có vệt xám ngang mắt, cổ có một vòng tròn lông màu trắng hơi thất lại (chiếm 2%), đuôi cánh có màu xanh đậm (chiếm 1%) (Hình 1). Phân biệt với một số giống vịt khác cho thấy: vịt Đốm khi mới nở bộ lông có màu trắng nhạt hoặc vàng phớt xám, có phớt đen ở đầu và đuôi. Khi trưởng thành, con trống có lông màu xanh đen ở đầu và cổ. Dọc lưng màu lông sẫm như màu lông cò lửa, đuôi có 2-3 lông móc rất cong; con mái lông có màu hoa mơ nhạt, có hàng lông đen ở cánh (Nguyễn Đức Trọng & cs., 2011; Doãn Văn Xuân & cs., 2011; Đặng Vũ Hòa, 2015). Vịt Bầu Bền khi mới nở, toàn thân cũng phủ một bộ lông tơ màu xám đen, xen kẽ có khoang vàng, đầu xám. Khi trưởng thành có lông màu cánh sẻ đậm, con trống có đầu xám và có lông móc cong ở đuôi (Nguyễn Thị Thúy Nghia & cs., 2012; Vũ Đình Trọng & cs., 2015). Vịt Biển 15 - Đại Xuyên trưởng thành có lông màu cánh sẻ, có khoang đốm trắng, lông cánh màu xanh đen, ngực màu trắng tuyền. Đầu và cổ có lông xanh đen, đuôi có móc cong (Nguyễn Văn Duy & cs., 2015).

Màu mỏ, chân: khi một ngày tuổi, mỏ và chân của vịt Cổ Lũng có màu vàng nhạt, hơi xám. Lúc trưởng thành chân màu vàng. Mỏ có màu vàng nhạt hơi xám, thỉnh thoảng có chấm đen.

### 3.4. Kích thước một số chiều đo cơ thể

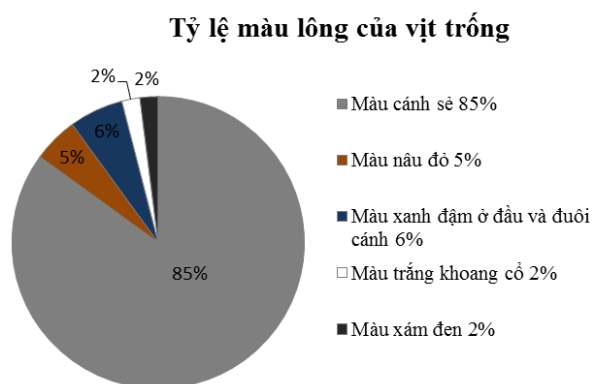
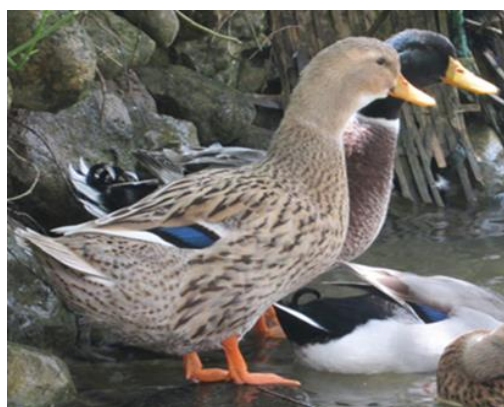
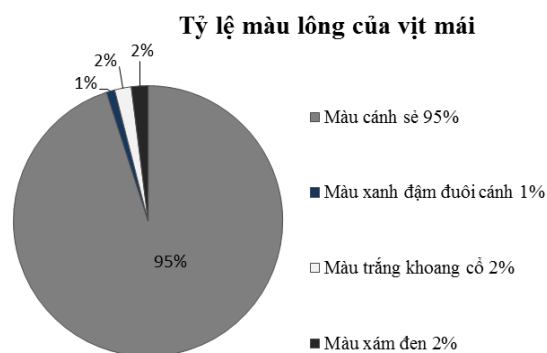
Kích thước một số chiều đo của vịt Cổ Lũng tại 8 và 38 tuần tuổi được thể hiện trong bảng 4. Tại 8 tuần tuổi, chiều đo dài thân của vịt Cổ Lũng là 22,63cm ở con trống và 22,18cm ở con mái, kích thước này tăng dần đến 38 tuần tuổi, con trống dài 24,72cm và con mái dài 24,82cm. Kích thước này tương đương khi so với kích thước dài thân của vịt Bầu Bền trưởng thành khảo sát tại Hòa Bình của Hồ Khắc Oánh & cs. (2011) có chiều đo dài thân là 24,8cm ở vịt trống

và 22,6cm ở vịt mái. Khi nuôi tại Trung tâm nghiên cứu Vịt Đại Xuyên, ở 8 tuần tuổi qua 3 thế hệ, vịt Bầu Bền có chiều đo dài thân từ 25,03-25,40cm đối với con trống và từ

23,70-24,00cm đối với con mái (Vũ Đình Trọng & cs., 2015). Vịt Đốm khi 8 tuần tuổi có chiều dài thân là 23,09cm đối với con trống và 22,54cm đối với con mái (Đặng Vũ Hòa, 2015).

**Bảng 3. Một số đặc điểm về ngoại hình đặc trưng của vịt Cổ Lũng**

Chỉ tiêu	Giai đoạn	Đặc điểm	
		Vịt trống	Vịt mái
Hình dáng		Chân thấp, thân hình ngắn, hình chữ nhật, mình bè	Chân thấp, thân hình trung gian giữa vịt chuyên thịt và chuyên trứng. Thân ngắn, hình chữ nhật, mình bè
Đầu cổ		Đầu to, cổ ngắn, rụt, ngực sâu	
Màu lông	01 ngày tuổi	Chủ yếu là xám đen có khoang vàng. Bụng và ngực có màu vàng nhạt. Có phớt đen ở đầu và đuôi. Có một vệt xám đen ngang mắt	
	Trưởng thành	Lông màu cánh sè đậm, lông đầu màu xanh, xung quanh mắt màu trắng có một vệt xám ngang mắt. Phần cổ và lưng lông màu nâu đỏ xen lẫn trắng. Cổ có một vòng tròn màu trắng. Phần đuôi có lông màu xanh đen, có lông móc cong ở đuôi	Lông màu cánh sè đậm, xung quanh mắt có vệt xám ngang mắt, cổ có một vòng tròn lông màu trắng hơi thất lại
Màu mỏ, chân	01 ngày tuổi	Có màu vàng nhạt, hơi xám	
	Trưởng thành	Màu vàng. Mỏ có màu vàng nhạt hơi xám	Màu vàng thỉnh thoảng có chấm đen. Mỏ có màu vàng nhạt



**Hình 1. Vịt Cổ Lũng 01 ngày tuổi, vịt Cổ Lũng trưởng thành và tỷ lệ màu lông của vịt lúc trưởng thành**

**Bảng 4. Kích thước một số chiều đo cơ thể vịt Cổ Lũng**

Chỉ tiêu	8 tuần tuổi		38 tuần tuổi	
	Trống (n = 30)	Mái (n = 30)	Trống (n = 30)	Mái (n = 30)
	Mean ± SE	Mean ± SE	Mean ± SE	Mean ± SE
Dài thân (cm)	22,63 ± 0,30	22,18 ± 0,36	24,72 ± 0,33	24,82 ± 0,33
Vòng ngực (cm)	27,13 ± 0,37	26,59 ± 0,42	30,06 ± 0,31	29,80 ± 0,38
VN/DT	1,20 ± 0,02	1,20 ± 0,02	1,22 ± 0,01	1,20 ± 0,02
Dài lườn (cm)	9,61 <sup>a</sup> ± 0,14	9,07 <sup>b</sup> ± 0,13	11,53 ± 0,12	11,69 ± 0,20
Cao chân (cm)	4,63 ± 0,08	4,46 ± 0,08	7,58 <sup>a</sup> ± 0,06	7,35 <sup>b</sup> ± 0,05
Dài lông cánh (cm)	11,85 <sup>a</sup> ± 0,19	11,11 <sup>b</sup> ± 0,20	16,36 ± 0,18	16,23 ± 0,19

*Ghi chú: Các giá trị trung bình mang chữ cái khác nhau trên cùng một hàng thể hiện sự sai khác có ý nghĩa thống kê giữa trống và mái (P < 0,05).*

Kích thước vòng ngực của vịt Cổ Lũng tại 8 tuần tuổi, con trống là 27,13cm, con mái là 26,59cm, kích thước này tăng dần đến 38 tuần tuổi, con trống có kích thước là 30,06cm và con mái là 29,80cm. Tỷ lệ vòng ngực và dài thân ở 8 tuần tuổi là 1,20, tỷ lệ này có sự thay đổi không nhiều đến 38 tuần tuổi, con trống là 1,22 và con mái là 1,20. Tỷ lệ này đều lớn hơn 1 chứng tỏ vịt Cổ Lũng thiên về hướng sản xuất thịt hơn so với hướng sản xuất trứng. Theo dõi một số nghiên cứu trên các giống vịt kiêm dụng cho thấy: vịt Bầu Bền trưởng thành nuôi tại Hòa Bình có kích thước vòng ngực là 33,6cm đối với con trống và 32,5cm đối với con mái (Hồ Khắc Oánh & cs., 2011), khi khảo sát tại Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên lúc 8 tuần tuổi có kích thước vòng ngực là 27,6cm (Nguyễn Đức Trọng & cs., 2011). Vịt Đốm lúc 8 tuần tuổi có kích thước vòng ngực là 27,69cm đối với con trống và 27,17cm đối với con mái (Đặng Vũ Hòa, 2015), khi khảo sát tại Trung tâm nghiên cứu Vịt Đại Xuyên có kích thước vòng ngực là 29,14cm (Nguyễn Đức Trọng & cs., 2011).

Không có sự khác biệt nhiều về chiều đo cao chân giữa con trống và con mái ở 8 tuần tuổi, lúc 8 tuần tuổi chiều đo cao chân của con trống là 4,63cm và con mái là 4,46cm. Đến 38 tuần tuổi chiều đo cao chân của con trống là 7,58cm và con mái là 7,35cm, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (P < 0,05). So sánh với một số nghiên cứu khác cho thấy: vịt Bầu Bền trưởng thành khi khảo sát tại Hòa Bình có chiều đo cao chân là 11,6cm đối với con trống và 10,07cm đối

với con mái (Hồ Khắc Oánh & cs., 2011). Nghiên cứu đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của vịt Bầu Bền tại Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên qua 3 thế hệ lúc 8 tuần tuổi chiều đo cao chân của vịt trống 5,77-6,00cm và của vịt mái từ 4,93-5,27cm (Vũ Đình Trọng & cs., 2015). Vịt Đốm lúc 8 tuần tuổi có kích thước chiều đo cao chân là 7,86cm và 7,64cm (Đặng Vũ Hòa, 2015). Như vậy, vịt Cổ Lũng có kích thước các chiều đo tương đương nhưng chiều đo cao chân thấp hơn so với một số giống vịt kiêm dụng bản địa ở Việt Nam.

#### 4. KẾT LUẬN

Tổng số lượng vịt Cổ Lũng trong năm 2017 tại huyện Bá Thước là 32,8 nghìn con, phân bố tập trung chủ yếu ở 6 xã gồm: xã Ban Công, Cổ Lũng, Lũng Niêm, Lũng Cao, Thành Lâm và Thành Sơn. Vịt Cổ Lũng tại địa phương được nuôi chủ yếu nuôi theo phương thức chăn thả và bán chăn thả. Nguồn thức ăn sử dụng trong chăn nuôi vịt là các loại thức ăn tự phối trộn và thức ăn tận dụng từ sản xuất nông nghiệp của địa phương. Tuy nhiên, nếu nuôi theo phương thức nuôi nhốt, sử dụng thức ăn công nghiệp, vịt Cổ Lũng cũng cho thấy khả năng phát triển tốt. Đây cũng là xu hướng chăn nuôi để xây dựng và phát triển thương hiệu vịt Cổ Lũng của huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Vịt Cổ Lũng một ngày tuổi có lông màu xám đen xen kẽ có khoang màu vàng nhạt. Khi trưởng thành, vịt Cổ Lũng có lông màu cánh sê

đậm (chiếm 85-95%), cổ có vòng tròn màu trắng (chiếm 2%), đuôi cánh và đầu (vịt đực) có màu xanh đậm (chiếm 1-6%), chân thấp, đầu to, cổ ngắn, mình bè. Chiều đo dài thân của vịt Cổ Lũng là 24,72cm ở con trống và 24,82cm ở con mái; vòng ngực của vịt trống là 30,06cm, vịt mái là 29,80cm với tỷ lệ vòng ngực/dài thân lần lượt là 1,22 và 1,20; chiều đo cao chân của con trống là 7,58cm và con mái là 7,35cm; độ dài lông cánh của vịt trống và vịt mái lần lượt là 16,36 và 16,23cm.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thanh Sơn & Nguyễn Huy Đạt (2011). Các chỉ tiêu dùng trong nghiên cứu gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội. tr. 39-43.
- Chi cục Thống kê huyện Bá Thước (2017). Báo cáo tình hình chăn nuôi năm 2017.
- Đặng Vũ Hòa (2015). Một số đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất của vịt Đốm (Pát Lài) và con lai giữa vịt Đốm với vịt T14 (CV. Super M3), Luận án Tiến sĩ nông nghiệp, Viện Chăn nuôi. tr. 47-49.
- Đỗ Ngọc Hà, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Bá Mùi, Hoàng Văn Chính, Lê Thị Hà & Lê Văn Sơn (2018). Phân tích sự sai khác di truyền của vịt Cổ Lũng với một số giống vịt nội bằng chỉ thị phân tử SSR. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật chăn nuôi. 233: 2-8.
- Doãn Văn Xuân, Nguyễn Đức Trọng & Hoàng Văn Tiệu (2011). Nghiên cứu đặc điểm và một số chỉ tiêu năng suất của vịt Đốm (PL2). Tuyển tập các công trình nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi vịt - ngan. Viện Chăn nuôi, Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên. tr. 183-186.
- Hồ Khắc Oánh, Hoàng Văn Tiệu, Nguyễn Đức Trọng, Phạm Văn Trọng, Nguyễn Thị Minh, Phạm Hữu Chiến, Bùi Văn Thành & Bùi Văn Chùm (2011). Nghiên cứu bảo tồn quỹ gen vịt Bầu Bền tại Hòa Bình. Tuyển tập các công trình nghiên cứu và chuyển giao TBKT chăn nuôi vịt - ngan. Viện Chăn nuôi, Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên. tr. 169-172.
- Nguyễn Đức Trọng, Hồ Khắc Oánh, Nguyễn Thị Minh, Lê Thị Phiên, Ngô Văn Vĩnh & Lê Xuân Thọ (2011). Kết quả nuôi giữ, bảo tồn quỹ gen vịt Đốm (Pát Lài) và vịt Bầu Bền tại trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên. Tuyển tập các công trình nghiên cứu và chuyển giao TBKT chăn nuôi vịt - ngan. Viện Chăn nuôi, Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên. tr. 173-177.
- Nguyễn Thị Thúy Nghĩa, Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Văn Duy, Phạm Văn Chung, Mai Hương Thu, Lương Thị Bột, Đồng Thị Quyên & Đặng Thị Vui (2012). Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của vịt Bầu, vịt Đốm. Báo cáo Khoa học năm 2012. Viện Chăn nuôi, Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên. tr. 44-50.
- Nguyễn Văn Duy, Vương Thị Lan Anh, Mai Hương Thu, Đồng Thị Quyên & Đặng Thị vui (2015). Một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của vịt Biền 15 - Đại Xuyên. Báo cáo khoa học năm 2015. Viện Chăn nuôi, Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên. tr. 1-13.
- Trần Huệ Viên, Nguyễn Duy Hoan & Nông Quý Thoan (2002). Một Số đặc điểm sinh học và sức sản xuất thịt của giống vịt Kỳ Lừa, Tạp chí Nông Nghiệp và phát triển nông thôn. 11: 994-995.
- Vũ Đình Trọng, Nguyễn Thị Thúy Nghĩa, Nguyễn Văn Duy & Lê Thị Mai Hoa (2015). Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của vịt Bầu Bền nuôi tại Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên. Báo cáo khoa học năm 2015. Viện Chăn nuôi, Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên. tr. 32-39.